

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2024 trên
địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng; Thông tư số 15/2023/TT-BCT ngày 30/6/2023 của Bộ Công Thương về Sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 2763/TTr-SCT ngày 11/8/2025 Về việc ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và trên cơ sở ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan:

- Tổ chức quản lý hoạt động sử dụng năng lượng của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát, cập nhật lập Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh; tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

2. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong Danh sách tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, Công ty Điện lực Quảng Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao đề chủ động tổ chức quản lý, giám sát, xử lý các nội dung liên quan theo đúng quy định pháp luật.

4. Giám đốc Sở Công Thương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu, nội dung báo cáo, đề nghị tại Tờ trình số 2763/TTr-SCT ngày 11/8/2025 và các hồ sơ, tài liệu, dự thảo kèm theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh; Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Đông Bắc (Binh đoàn 19 - Bộ Quốc phòng), Công ty Xăng dầu B12, Công ty Điện lực Quảng Ninh và các cơ sở có tên trong Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Như Điều 4;
- V0-V4, các CVNCTH; HC-QT-TV;
- Lưu VT, CN. CV.478.4.1a

Ký bởi: Vũ Duy Hưng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Ánh

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
1	Công ty TNHH Sợi hóa học Thế kỷ mới Việt Nam	KCN Cái Lân, phường Việt Hưng	Công nghiệp	Sản xuất sợi	3.338	SCT
2	Công ty TNHH Antimon Dương Huy	Phường Mông Dương	Công nghiệp	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	7.232	SCT
3	Công ty Cổ phần Thông Quảng Ninh	Phường Yên Tử	Công nghiệp	Sản xuất các sản phẩm từ gỗ	1.670	SCT
4	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Phường Việt Hưng	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu từ đất sét	21.826	SCT
5	Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV	Phường Bình Khê	Công nghiệp	Sản xuất điện	895.317	SCT
6	Công ty TNHH Điện lực AES Mông Dương	Phường Mông Dương	Công nghiệp	Sản xuất điện	2.736.568	SCT
7	Công ty Nhiệt điện Mông Dương 1	Phường Mông Dương	Công nghiệp	Sản xuất điện	1.598.286	SCT
8	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Phường Cao Xanh	Công nghiệp	Sản xuất điện	1.956.690	SCT
9	Công ty Nhiệt điện Cẩm Pha - TKV	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Sản xuất điện	1.040.778	SCT
10	Công ty Nhiệt điện Uông Bí	Phường Uông Bí	Công nghiệp	Sản xuất điện	904.636	SCT
11	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long	Phường Hoành Bồ	Công nghiệp	Sản xuất điện	950.869	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
12	Công ty 35 - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	5.982	SCT
13	Công ty 91 - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	2.993	SCT
14	Công ty 790 - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	4.512	SCT
15	Công ty Khe Sim - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	49.561	SCT
16	Công ty Khai thác khoáng sản - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	39.851	SCT
17	Công ty Xây dựng công nghiệp mỏ - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	2.796	SCT
18	Công ty Cổ phần 397 - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	16.224	SCT
19	Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - VINACOMIN	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	5.578	SCT
20	Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Phường Hoành Bồ	Công nghiệp	Sản xuất Xi măng	15.672	SCT
21	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Sản xuất Xi măng	158.198	SCT
22	Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Sản xuất gạch ngói	3.365	SCT
23	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Vân Đồn - Chi nhánh cảng hàng không quốc tế Vân Đồn - SunGroup	Đặc khu Vân Đồn	Công trình xây dựng	Vận tải hàng không	502	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
24	Công ty Cổ phần than Hà Tu - VINACOMIN	Phường Hà Tu	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	25.970	SCT
25	Công ty Cổ phần than Núi Béo - VINACOMIN	Phường Hồng Gai	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	10.714	SCT
26	Công ty Cổ phần than Hà Lâm - VINACOMIN	Phường Hà Lâm	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	11.706	SCT
27	Công ty than Hòn Gai - TKV	Phường Hồng Gai	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	8.576	SCT
28	Công ty TNHH đầu tư và phát triển FLC Hạ Long	Phường Hạ Long	Công trình xây dựng	Hoạt động cơ sở thể thao	1.340	SCT
29	Bệnh Viện tỉnh Quảng Ninh	Phường Hồng Gai	Khám chữa bệnh	Khám chữa bệnh	752	SCT
30	Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Hạ Long - Chi nhánh Công ty CP Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	Phường Hồng Gai	Khám chữa bệnh	Khám chữa bệnh	780	SCT
31	Công ty TNHH VinCom Retail Miền Bắc - Chi nhánh tại tỉnh Quảng Ninh	Phường Hồng Gai	Công trình xây dựng	Trung tâm thương mại	847	SCT
32	Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt - Nhật tại TP Hạ Long	Phường Hạ Long	Công trình xây dựng	Trung tâm thương mại	724	SCT
33	Công ty Cổ phần VINPEARL - Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy	Công trình xây dựng	Khách sạn	1.470	SCT
34	Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia	Phường Bãi Cháy	Công trình xây dựng	Kinh doanh khách sạn	651	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
35	Công ty TNHH Âu Lạc Quảng Ninh	Phường Tuần Châu	Công trình xây dựng	Nhà hàng, dịch vụ ăn uống, cơ sở lưu trú	849	SCT
36	Bệnh viện Bãi Cháy	Phường Việt Hưng	Công trình xây dựng	Khám chữa bệnh	858	SCT
37	Công ty TNHH sản xuất bột mỳ Vimaflour	KCN Cái Lân, phường Việt Hưng	Công nghiệp	Xay sát và chế biến bột mỳ thô	5.960	SCT
38	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Xã Thống Nhất	Công nghiệp	Sản xuất xi măng	23.061	SCT
39	Công ty Cổ phần chế tạo máy - VINACOMIN	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Sửa chữa, chế tạo thiết bị mô	7.942	SCT
40	Công ty TNHH MTV Môi trường - VINACOMIN	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Hoạt động kiến trúc và tư vấn các ngành liên quan	5.032	SCT
41	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	11.216	SCT
42	Công ty than Hạ Long - TKV	Phường Cẩm Phả	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	10.534	SCT
43	Công ty Cổ phần cơ khí và Lắp máy Việt Nam	Phường Hoàng Quế	Công nghiệp	Gia công cơ khí	1.232	SCT
44	Công ty Cổ phần than Mông Dương - VINACOMIN	Phường Mông Dương	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	8.280	SCT
45	Công ty TNHH Mặt Trời Cẩm Phả	Phường Quang Hanh	Công trình xây dựng	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	8.942	SCT
46	Công ty Cổ phần than Cao Sơn - TKV	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	90.032	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
47	Công ty than Khe Châm - TKV	Phường Móng Dương	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	8.017	SCT
48	Công ty than Dương Huy - TKV	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	18.036	SCT
49	Công ty than Thống Nhất - TKV	Phường Cẩm Phả	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	7.292	SCT
50	Công ty than Quang Hanh - TKV	Phường Cẩm Phả	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	10.967	SCT
51	Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV	Phường Cẩm Phả	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	43.416	SCT
52	Nhà máy nước Điện Vọng - Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Cung cấp nước	1.943	SCT
53	Công ty than Uông Bí - TKV	Phường Vàng Danh	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	12.909	SCT
54	Chi nhánh Công ty TNHH Sao Vàng	Phường Uông Bí	Công nghiệp	Sản xuất giày dép	1.366	SCT
55	Công ty Cổ phần phát triển Tùng Lâm	Phường Yên Tử	Thương mại dịch vụ	Khách sạn	569	SCT
56	Công ty than Nam Mẫu - TKV	Phường Uông Bí	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	11.408	SCT
57	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	Phường Yên Tử	Công nghiệp	Sản xuất xi măng	83.227	SCT
58	Bệnh viện Việt Nam- Thụy Điển	Phường Uông Bí	Khám chữa bệnh	Khám chữa bệnh	881	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
59	Công ty Kho vận Đá Bạc - VINACOMIN	Phường Yên Tử	Công nghiệp	Vận chuyển và chế biến tiêu thụ than	5.772	SCT
60	Công ty Cổ phần than Vàng Danh - VINACOMIN	Phường Vàng Danh	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	17.926	SCT
61	Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Ngân Long	KCN Hải Yên, phường Móng Cái 3	Công nghiệp	SX các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	39.676	SCT
62	Công ty Cổ phần khách sạn Hồng Vận	Phường Móng Cái 2	Thương mại dịch vụ	Khách sạn	1.230	SCT
63	Công ty Cổ phần Giải trí Quốc tế Lợi Lai	Phường Móng Cái 2	Thương mại dịch vụ	Khách sạn	767	SCT
64	Công ty than Mạo Khê - TKV	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	1.503.803	SCT
65	Công ty Cổ phần Gốm màu Hoàng Hà	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu từ đất sét	26.732	SCT
66	Công ty Cổ phần Gạch ngói Kim Sơn	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu từ đất sét	1.461	SCT
67	Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt	Phường Bình Khê	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu từ đất sét	14.732	SCT
68	Công ty Cổ phần Vĩnh Thắng	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	3.614	SCT
69	Công ty Cổ phần gạch Clinker - Viglacera	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	4.072	SCT
70	Công ty Cổ phần Bìa & Nước giải khát Đồng Mai	Phường Đồng Mai	Công nghiệp	Sản xuất bìa và ủ mạnh nha lên men	2.768	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
71	Công ty TNHH Dệt Nhuộm Khánh Nghiệp Việt Nam	KCN Hải Hà, xã Quảng Hà	Công nghiệp	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu	25.808	SCT
72	Công ty TNHH dệt may Bắc Giang Việt Nam	KCN Hải Hà, xã Quảng Hà	Công nghiệp	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	11.467	SCT
73	Công ty TNHH KHKH liên hợp Việt Nam	KCN Hải Hà, xã Quảng Hà	Công nghiệp	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	3.653	SCT
74	Công ty TNHH Đại Đông Việt Nam	KCN Hải Hà, xã Quảng Hà	Công nghiệp	Sản xuất may mặc	9.095	SCT
75	Công ty TNHH xay lúa mỳ VFM - Wilmar	KCN Cái Lân, phường Việt Hưng	Công nghiệp	Sản xuất bột mỳ	2.503	SCT
76	Công ty TNHH MTV Vina New Tarps	KCN Cái Lân, phường Việt Hưng	Công nghiệp	Sản xuất vải bạt	1.233	SCT
77	Công ty TNHH MTV nền nghệ thuật AIDI Việt Nam	KCN Cái Lân, phường Việt Hưng	Công nghiệp	Sản xuất nền	64.696	SCT
78	Công ty TNHH INTEGRAL MATERIALS INVESTMENT Việt Nam	KCN Việt Hưng, phường Việt Hưng	Công nghiệp	Tinh chế nguyên liệu đất hiếm	23.833	SCT
79	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV	Phường Hạ Long	Công nghiệp	Vận chuyển bốc xếp hàng hóa	128.639	SCT
80	Công ty Tuyển than Hòn Gai	Phường Hồng Gai	Công nghiệp	Sản xuất than cốc	5.556	SCT
81	Công ty Cổ phần kinh doanh than Cẩm Phả - VINACOMIN	Phường Cẩm Phả	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	1.754	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
82	Công ty chế biến than Quảng Ninh- TKV	Phường Cao Xanh	Công nghiệp	Chế biến, kinh doanh bốc xúc, vận tải than	1.825	SCT
83	Công ty TNHH Công nghệ kỹ thuật Ngân Hà	KCN Hải Hà, xã Quảng Hà	Công nghiệp	Sản xuất sợi	53.397	SCT
84	Công ty TNHH công nghiệp Lioncore Việt Nam	KCN Đồng Mai, phường Đồng Mai	Công nghiệp	Sản xuất ván ép trải sàn	7.102	SCT
85	Công ty TNHH Competition Team Technology (Việt Nam)	KCN Đồng Mai, phường Đồng Mai	Công nghiệp	Sản xuất Tì vi	1.254	SCT
86	Công ty TNHH Bumjin Electronics Vina	KCN Đồng Mai, phường Đồng Mai	Công nghiệp	Sản xuất điện tử	1.232	SCT
87	Công ty TNHH JINSUNG HITEC VINA	KCN Đồng Mai, phường Đồng Mai	Công nghiệp	Sản xuất, gia công linh kiện nhựa điện tử	1.214	SCT
88	Công ty TNHH công nghiệp Jinko Solar (Việt Nam)	KCN Sông Khoai, phường Hiệp Hòa	Công nghiệp	Sản xuất các thiết bị điện khác	149.703	SCT
89	Công ty TNHH Vôi Hạ Long Quảng Ninh	Phường Hoàn Bò	Công nghiệp	sản xuất gạch	1.181	SCT
90	Công ty Cảng- Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than	4.556	SCT
91	Công ty Cổ phần khách sạn Trí Đức	Phường Bãi Cháy	Công trình xây dựng	Khách sạn	921	SCT
92	Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long	Phường Bãi Cháy	Công trình xây dựng	khách sạn, vui chơi giải trí	1.203	SCT
93	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đô thị Phương Đông	Đặc khu Vân Đồn	Công trình xây dựng	Khách sạn	720	SCT
94	Công ty Cổ phần vận tải và chế biến than Đông Bắc	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than cứng	2.984	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
95	Công ty TNHH thời trang dệt kim Việt Nam	KCN Hải Hà, xã Quảng Hà	Công nghiệp	Dệt	54.161	SCT
96	Công ty TNHH Dệt Hằng Luân Việt Nam	KCN Hải Hà, xã Quảng Hà	Công nghiệp	Hoàn thiện sản phẩm dệt	6.134	SCT
97	Công ty cổ phần NOSCO SHIPYARD	Phường Liên Hòa	Công nghiệp	Sửa chữa đóng tàu	76.582	SCT
98	Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy	Công nghiệp	Bốc xếp hàng hóa	1.575	SCT
99	Công ty Cổ phần đầu tư và dịch vụ vận tải Trung Nghĩa	Phường Quang Hanh	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	2.553	SCT
100	Công ty cổ phần địa chất mỏ - TKV	Phường Cẩm Phả	Công nghiệp	Thăm dò địa chất	1.302	SCT
101	Công ty cổ phần vận tải và đưa đón thợ mỏ	Phường Cẩm Phả	Giao thông vận tải	Vận tải bằng xe buýt	3.759	SCT
102	Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại than Uông Bí	Phường Vàng Danh	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than cứng	7.956	SCT
103	Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty Xây lắp mỏ - TKV	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	2.322	SCT
104	Công ty TNHH MTV Hướng Tâm	Phường Hạ Long	Công nghiệp	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	3.959	SCT
105	Công ty xây dựng công nghiệp mỏ- Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Cửa Ông	Công nghiệp	Khai thác thu gom than cứng	3.088	SCT
106	Công ty TNHH Calofic	KCN Cái Lân, phường Việt Hưng	Công nghiệp	Sản xuất dầu thực vật	16.000	SCT
107	Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Thanh Sơn	Phường Uông Bí	Công nghiệp	Sản xuất gốm	1.489	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
108	Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Uông Bí	Phường Uông Bí	Công nghiệp	Sản xuất gốm	2.239	SCT
109	Công ty TNHH Kim loại màu Quảng Ninh	Phường Móng Dương	Công nghiệp	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	3.749	SCT
110	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển sản xuất Hạ Long	Phường Bãi Cháy	Công trình xây dựng	Tòa nhà cao tầng	1.319	SCT
111	Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản TASECO	Phường Bãi Cháy	Công trình xây dựng	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	604	SCT
112	Công ty Cổ phần Tâm Văn Hạ Long	Phường Hoàng Quế	Công trình xây dựng	Nhà hàng, dịch vụ ăn uống, cơ sở lưu trú	622	SCT
113	Công ty Cổ phần Gạch ngói Bình Dương	Phường Hoành Bồ	Công nghiệp	Sản xuất gạch ngói	4.768	SCT
114	Công ty CP Gốm xây dựng Giếng Đáy Quảng Ninh	Phường Việt Hưng	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu từ đất sét	6.744	SCT
115	Công ty TNHH kỹ thuật điện tử Tonly Việt Nam	KCN Đông Mai, phường Đông Mai	Công nghiệp	Sản xuất linh kiện điện tử cho loa và tai nghe	3.372	SCT
116	Công ty TNHH đầu tư bất động sản DOJILAND	Phường Hồng Gai	Công trình xây dựng	Tòa nhà cao tầng	899	SCT
117	Công ty Cổ phần ALACARTE Hạ Long	Phường Bãi Cháy	Công trình xây dựng	Bán buôn, bán lẻ của các công ty, cửa hàng	789	SCT
118	Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	Phường Việt Hưng	Công nghiệp	Đóng tàu cấu kiện nổi	1.518	SCT
119	Công ty Cổ phần vận tải Quảng Ninh	Phường Hạ Long	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4.757	SCT
120	Công ty Cổ phần hàng hải Quảng Hưng	Phường Hạ Long	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5.935	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
121	Công ty TNHH Vi Sơn	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	7.301	SCT
122	Công ty TNHH Hưng Long	Phường Hoàng Bồ	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	1.341	SCT
123	Công ty Cổ phần Sông Hồng 12	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2.310	SCT
124	Công ty Cổ phần gốm xây dựng Yên Thọ	Phường Hoàng Quế	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	1.466	SCT
125	Công ty TNHH liên doanh gốm xây dựng Hoàng Quế Quảng Ninh	Phường Hoàng Quế	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng	15.059	SCT
126	Công ty Cổ phần công nghiệp Tân Tiến	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than cứng	8.514	SCT
127	Công ty TNHH đầu tư và thương mại Quang Minh	Phường Cẩm Phả	Công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng	8.809	SCT
128	Công ty Cổ phần thương mại Tuấn Tiến	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Khai thác và thu gom than cứng	12.410	SCT
129	Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	1.199	SCT
130	Công ty TNHH sản xuất gạch xây dựng Hải Hà	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	1.331	SCT
131	Công ty Cổ phần Thành Đạt	Phường Móng Cái 2	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	1.518	SCT
132	Xí nghiệp khai thác đá Phương Đông	Phường Yên Tử	Công nghiệp	Khai thác đá	1.151	SCT
133	Công ty kho vận Hòn Gai	Phường Hạ Long	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5.516	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
134	Công ty Cổ phần vận tải thủy- Vinacomin	Phường Hạ Long	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	3.511	SCT
135	Công ty TNHH Phúc Xuyên	Phường Uông Bí	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa	3.243	SCT
136	Chi nhánh công ty vật liệu xây dựng và xây lắp thương mại Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa	12.768	SCT
137	Công ty Cổ phần Vinashin Hạ Long	Phường Bãi Cháy	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	2.077	SCT
138	Ban quản lý các dịch vụ công ích thành phố Hạ Long	Phường Hồng Gai	Công trình xây dựng	XD công trình công ích	587	SCT
139	Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy Đông Bắc	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Đóng tàu và cấu kiện nổi	1.784	SCT
140	Công ty Cổ phần cơ khí và thiết bị Thành Công	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Bốc xếp hàng hóa	1.805	SCT
141	Công ty Cổ phần TĐKT Đông Bắc Hạ Long	Phường Hạ Long	Công nghiệp	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	1.239	SCT
142	Công ty TNHH MTV Ngân Tuyết	Phường Mạo Khê	Công nghiệp	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	2.628	SCT
143	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển 324	Phường Cẩm Phả	Công nghiệp	Xây dựng công trình mỏ, công nghiệp	1.208	SCT
144	Công ty TNHH Thanh Lâm	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Chế biến lâm sản	1.819	SCT
145	Trường cao đẳng than khoáng sản Việt Nam	Phường Hạ Long	Công nghiệp	Đào tạo và sản xuất kinh doanh, dịch vụ	688	SCT
146	Công Ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Môi Trường Đô Thị Quảng Ninh	Phường Hà Tu	Công nghiệp	Thu gom, xử lý rác thải không độc hại, DV chăm sóc và duy trì cảnh quan	795	SCT

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Quy đổi TOE 2024	Ghi chú
147	Công ty TNHH Khoáng Sản Minh Đạt	Phường Quang Hanh	Công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng	2.321	SCT
148	Công ty TNHH Vận Tải Biển Hồng Gay	Phường Hồng Gai	Giao thông vận tải	Vận tải	4.027	SCT
149	Công ty TNHH Hoàng Quế 22 - 12	Phường Hoàng Quế	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	17.238	SCT
150	Xí nghiệp nước Bãi Cháy	Phường Bãi Cháy	Công nghiệp	Sản xuất nước sạch	1.140	SCT
151	Công ty TNHH Xuân Trường Hoàng Bồ	Phường Hoàng Bồ	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	1.304	SCT
152	Công ty TNHH Thương mại vận tải Phan Thụy	Phường Cao Xanh	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa	1.054	SCT
153	Công ty TNHH thương mại gỗ Tỷ Long	Phường Hoàng Bồ	Công nghiệp	Sản xuất công nghiệp; Giao thông vận tải	1.202	SCT
154	Công ty TNHH MTV Tuấn Minh	Phường Hạ Long	Công nghiệp	Hoạt động DV hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	2.577	SCT
155	Công ty TNHH vật liệu mới BBL HOME	KCN Đông Mai, phường Đông Mai	Công nghiệp	Sản xuất tấm sàn BBL HOME	2.933	SCT
156	Công ty TNHH ECOTEXTILE Việt Nam	KCN Hải Hà, xã Quảng Hà	Công nghiệp	SX vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	4.542	SCT
157	Công ty cổ phần đầu tư & du lịch Gia Minh Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	Thương mại dịch vụ	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	743	SCT
158	Công ty cổ phần đóng tàu và vận tải biển Nam Phát	Phường Hà An	Công nghiệp	Đóng tàu và cấu kiện nổi	1.168	SCT